

**CÔNG TY TNHH ĐẶT XE TRỰC TUYẾN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẶT XE TRỰC TUYẾN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ONLINE BOOK CAR COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108344704

**3. Ngày thành lập:** 29/06/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 2 đường Đa Phúc, Thị trấn Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá ô tô và xe có động cơ khác)                                                 | 4513     |
| 2.  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                              | 4641     |
| 3.  | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4771     |
| 4.  | Quảng cáo                                                                                                                                         | 7310     |
| 5.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm: đồ cổ, dịch vụ kính thuốc và loại hàng hóa nhà nước cấm)              | 4773     |
| 6.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar)                                                             | 4723     |
| 7.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                    | 4933     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: Hoạt động bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy; | 5221     |
| 9.  | Bốc xếp hàng hóa<br>(Không bao gồm bốc xếp tại cảng hàng không)                                                                                   | 5224     |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ Logistic                                                      | 5229     |
| 11. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                         | 5510     |
| 12. | In ấn                                                                                                                                             | 1811     |
| 13. | Đại lý, môi giới, đầu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                     | 4610     |

|     |                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                            | 5621 |
| 15. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                            | 7810 |
| 16. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                           | 7911 |
| 17. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                             | 7920 |
| 18. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                         | 4633 |
| 19. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết:<br>- Cung cấp suất ăn theo hợp đồng<br>(Không bao gồm cung cấp suất ăn hàng không)                                                                                                     | 5629 |
| 20. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) | 7730 |
| 21. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                    | 7912 |
| 22. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                    | 8130 |
| 23. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(trừ hợp báo)                                                                                                                                                               | 8230 |
| 24. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn giáo dục<br>- Dịch vụ tư vấn du học                                                                                                                                     | 8560 |
| 25. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                                                                                            | 9321 |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                     | 8299 |
| 27. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ đầu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác.)                                                                                                 | 4530 |
| 28. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                      | 4651 |
| 29. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                       | 4652 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 30. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện );<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường; | 4659 |
| 31. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5610 |
| 32. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dịch vụ viễn thông<br>- Đại lý dịch vụ viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6190 |
| 33. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6202 |
| 34. | Hoạt động cấp tín dụng khác<br>Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6492 |
| 35. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản<br>- Tư vấn về bất động sản;<br>- Tư vấn về đầu tư tạo lập, kinh doanh bất động sản;<br>- Tư vấn về tài chính bất động sản;<br>- Tư vấn về giá bất động sản;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6820 |
| 36. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7710 |
| 37. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4321 |
| 38. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4322 |
| 39. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động bán đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4511 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 40. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4932(Chính) |
| 41. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3312        |
| 42. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3320        |
| 43. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4210        |
| 44. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4512        |
| 45. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: + Sửa chữa thân xe, + Sửa chữa các bộ phận của ô tô,<br>+ Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn, + Sửa tẩm chắn và cửa sổ,<br>+ Sửa ghế, đệm và nội thất ô tô,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4520        |
| 46. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4542        |
| 47. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu.                                                                                                                                                                                                                                                    | 4649        |
| 48. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;<br>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;<br>- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;<br>- Bán buôn kính phẳng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác | 4663        |
| 49. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7721        |

|     |                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 50. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa<br>- Xây dựng công trình cửa;<br>- Xây dựng đường hầm; | 4290 |
| 51. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                           | 4741 |
| 52. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                  | 4751 |
| 53. | Giáo dục nghề nghiệp<br>Chi tiết: Dạy nghề                                                                                                                       | 8532 |
| 54. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(trừ rập khuôn tem)                                                                                                                  | 1812 |
| 55. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                    | 3700 |
| 56. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                   | 3811 |
| 57. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                         | 3821 |
| 58. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                            | 4100 |
| 59. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                     | 4220 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: ĐOÀN HẢI QUÂN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/08/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011730937

Ngày cấp: 10/03/2008

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2 đường Đa Phúc, khu C, Thị trấn Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 2 đường Đa Phúc, khu C, Thị trấn Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: ĐOÀN HẢI QUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 20/08/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 011730937

Ngày cấp: 10/03/2008

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2 đường Đa Phúc, khu C, Thị trấn Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 2 đường Đa Phúc, khu C, Thị trấn Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội